

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Kông Chro

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Văn bản số 1831/TTg-ĐMDN ngày 15 ngày 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông lâm nghiệp thuộc UBND tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh 3 loại rừng tỉnh Gia Lai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Về việc phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 902/STC-TH ngày 30 tháng 3 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2022 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Kông Chro (doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích) như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

- Tổng diện tích đất do công ty quản lý và bảo vệ: 21.238,90 ha. Trong đó, diện tích bảo vệ rừng tự nhiên là 16.068,46 ha.

- Diện tích trồng rừng mới: 296,90 ha

- Diện tích chăm sóc rừng: 1.906,61 ha

- Tổng doanh thu: 2.984.484.000 đồng

- Tổng chi phí: 2.734.484.000 đồng

- Lợi nhuận trước thuế: 250.000.000 đồng

- Nộp ngân sách nhà nước: 325.760.000 đồng

- Kế hoạch ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ: 4.017.115.000 đồng

2. Kế hoạch đầu tư phát triển: 9.368.666.000 đồng

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Kông Chro có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và có giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao; thực hiện tiết kiệm chi phí để gia tăng lợi nhuận; định kỳ tổng hợp báo cáo gửi về Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo đúng quy định.

Đối với nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chro có trách nhiệm lấy ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền trước khi thực hiện và sử dụng các nguồn vốn hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Giao Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chro theo chức năng nhiệm vụ thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2022 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chro, đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động – Thương binh và Xã hội, Nội vụ; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch kiêm Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chro và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *Nguyễn*

Nơi nhận: *Hà*

- Như Điều 4;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn
Hồ Phước Thành

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022
CỦA CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO
(Kèm theo Quyết định số 293 /QĐ-UBND ngày 20 / 4 /2022 của UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022
A	Kế hoạch sản xuất kinh doanh		
I	Tổng diện tích đất thuộc đơn vị quản lý	ha	21.238,90
1	Diện tích rừng tự nhiên	ha	16.068,46
2	Diện tích rừng trồng:	ha	1.131,90
3	Diện tích đất chưa có rừng:	ha	4.038,54
II	Kế hoạch thu	1.000đ	2.984.484
1	Doanh thu sản xuất kinh doanh	1.000đ	2.334.484
	<i>Doanh thu DVMTR</i>	<i>1.000đ</i>	<i>821.484</i>
	<i>Doanh thu bán gỗ rừng trồng</i>	<i>1.000đ</i>	<i>1.513.000</i>
2	Doanh thu hoạt động tài chính	1.000đ	150.000
3	Thu nhập khác	1.000đ	500.000
III	Kế hoạch chi	1.000đ	2.734.484
1	Chi hoạt động sản xuất kinh doanh	1.000đ	1.279.903
2	Giá vốn bán gỗ rừng trồng	1.000đ	1.230.115
3	Chi PCCCR	1.000đ	224.466
IV	Cân đối thu chi lãi (lỗ)	1.000đ	250.000
B	Kế hoạch đầu tư phát triển	1.000đ	9.368.666
1	Kế hoạch mua sắm, sửa chữa, xây dựng ...	1.000đ	3.000.000
a	<i>Xây dựng trụ sở công ty</i>	<i>1.000đ</i>	<i>3.000.000</i>
2	Kế hoạch đầu tư, trồng và chăm sóc rừng	1.000đ	6.368.666
a	<i>Diện tích trồng rừng</i>	<i>ha</i>	<i>296,90</i>
b	<i>Diện tích chăm sóc rừng</i>	<i>ha</i>	<i>1.906,61</i>
c	<i>Tổng kinh phí</i>	<i>1.000đ</i>	<i>6.368.666</i>
C	Kế hoạch ngân sách cấp hỗ trợ	1.000đ	4.017.115
1	Cấp hỗ trợ quản lý bảo vệ rừng tự nhiên phải tạm dừng khai thác	1.000đ	4.017.115
D	Kế hoạch nộp ngân sách	1.000đ	325.760
1	Thuế môn bài	1.000đ	2.000
2	Thuế GTGT	1.000đ	0
3	Thuế tài nguyên	1.000đ	0
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.000đ	50.000
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.000đ	0
6	Tiền thuê đất	1.000đ	3.756
7	Các khoản phí phải nộp khác	1.000đ	270.004

